

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HS-ST

Ngày: 31/3/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG - TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thời, ông Ngô Minh Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hồng Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 26/2022/HSST ngày 17/02/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-HS ngày 17/3/2022, đối với các bị cáo:

1. Lê Văn A (tên gọi khác: Lê Văn B), sinh năm 1984; ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn C, xã D, huyện Đ, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Văn E và bà Nguyễn Thị F; Vợ là Phạm Thị G, sinh năm 1986; Có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2009; Tiền sự: Không.

Tiền án:

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2003/HSST ngày 19/6/2003, Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Giá trị tài sản chiếm đoạt 3.034.000đ, chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/6/2004, bồi thường dân sự chưa thi hành).

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2010/HSST ngày 08/01/2010, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản chiếm đoạt 14.439.000 đồng, chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/10/2010, chấp hành xong án phí ngày 23/02/2010).

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2012/HSST ngày 28/12/2012, Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xử phạt 12 tháng tù về tội Đánh bạc (ngày phạm tội 24/9/2012, số tiền sử dụng để đánh bạc 11.732.000 đồng, chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/6/2014, chấp hành xong án phí ngày 28/7/2013).

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2015/HSST ngày 31/3/2015, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản (ngày phạm tội 16/12/2014, trị giá tài sản chiếm đoạt 2.700.000 đồng, chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/11/2016, chấp hành xong án phí ngày 13/7/2015).

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2018/HSST ngày 12/10/2018, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản

(ngày phạm tội 13/6/2018, tổng trị giá tài sản chiếm đoạt 43.860.000 đồng, chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/12/2020).

Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 137 ngày 10/8/2012, Công an thành phố Hải Dương xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 22/10/2021 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Đức H, sinh năm 1984; ĐHKHTT và chỗ ở: Thôn C, xã D, huyện Đ, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Bùi Đức I và con bà Bùi Thị K; Vợ là Trương Thị N, sinh năm 1989; Có 01 con sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 275 ngày 13/10/2004, Công an thành phố Hải Dương xử phạt tiền về hành vi trộm cắp tài sản.

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2007/HSST ngày 24/7/2007, Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, Hải Dương xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản chiếm đoạt là 4.500.000 đồng, chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/4/2008, chấp hành xong án phí ngày 16/11/2007, người liên quan không yêu cầu bồi thường dân sự).

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 164/2008/HSST ngày 03/9/2008, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xử phạt 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/4/2009, chấp hành xong án phí ngày 08/5/2009).

+ Bản án hình sự phúc thẩm số 67/2011/HSPT ngày 07/12/2011, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xử phạt 33 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích (chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/3/2015, chấp hành xong án phí ngày 14/9/2011, bị hại không yêu cầu bồi thường dân sự).

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 314 ngày 28/10/2011, Công an thành phố Hải Dương xử phạt tiền về hành vi đánh nhau.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ 07/11/2021 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

3. Mạc Văn M, sinh năm 1995; ĐHKHTT và chỗ ở: Thôn L, xã O, huyện P, Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông Mạc Văn Q và bà Nguyễn Thị B1; Gia đình có hai anh em, bị cáo là con thứ nhất; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 90 ngày 20/6/2011, Công an huyện Nam Sách, Hải Dương xử phạt cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản.

+ Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng số 2331 ngày 10/10/2012, UBND huyện Nam Sách, Hải Dương, thời hạn 24 tháng về hành vi chiếm giữ trái phép tài sản.

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2015/HSST ngày 31/3/2015, Tòa án nhân dân Thái Bình xử phạt 03 tháng 13 ngày tù. Đã thi hành xong hình phạt tù ngày 31/3/2015, đã chấp hành xong án phí và bồi thường ngày 16/6/2015.

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 135 ngày 03/4/2017, Công an huyện Nam Sách, Hải Dương xử phạt tiền về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Nộp phạt ngày 04/4/2017.

Bị cáo đang tạm giam trong vụ án do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Hà, Hải Dương khởi tố ngày 18/01/2022. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Anh Nguyễn Thanh C1, sinh năm 1991; ĐKHKT: Thôn D1, xã D2, huyện D3, tỉnh Ninh Bình; Chỗ ở hiện nay: Thôn D1, phường D2, thành phố D3, tỉnh Hải Dương.

+ Anh Nguyễn Trung E1, sinh năm 1991; ĐKHKT: Thôn D1, xã D2, D3, tỉnh Ninh Bình; Chỗ ở hiện nay: Thôn D1, phường D2, thành phố D3, tỉnh Hải Dương.

+ Anh Vì Văn E2, sinh năm 1991; ĐKHKT: Thôn F1, xã F2, huyện F3, tỉnh Hà Giang; Chỗ ở hiện nay: Thôn D1, phường D2, thành phố D3, tỉnh Hải Dương.

+ Anh Tạ Hữu G1, sinh năm 1991; ĐKHKT: Thôn G2, xã G3, huyện G4, tỉnh Bắc Ninh; Chỗ ở hiện nay: Thôn H1, xã H2, huyện P, tỉnh Hải Dương.

+ Chị Đặng Thị Cẩm GH, sinh năm 1997; ĐKHKT: Thôn E1, Phường E2, thành phố D3, tỉnh Hải Dương; Chỗ ở hiện nay: Khu dân cư I1, phường I2, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

+ Chị Đặng Thị Thu K1, sinh năm 2000; ĐKHKT: Thôn E1, Phường E2, thành phố D3, tỉnh Hải Dương; Chỗ ở hiện nay: Khu dân cư I1, phường I2, K2, tỉnh Hải Dương.

+ Anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1994; ĐKHKT: Thôn N2, Xã N3, tỉnh Thái Bình; Chỗ ở hiện nay: Khu dân cư I1, phường I2, thành phố P1, tỉnh Hải Dương.

+ Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Thôn L2, xã L3, huyện L4, tỉnh Tuyên Quang.

+ Anh Hồ Ngọc Q1, sinh năm 1997; ĐKHKT: Thôn 2, xã Q2, huyện Q3, tỉnh Quảng Bình; Chỗ ở hiện nay: Khu dân cư I1, phường I2, K2, tỉnh Hải Dương.

Các bị hại đều vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Anh Nguyễn Danh Th, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn O1, xã O2, huyện P, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- **Người làm chứng:** Anh Đặng Văn Tr, anh Chu Xuân F1; bà Nguyễn Thị F2. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn A và Bùi Đức H, Mạc Văn M có quan hệ bạn bè quen biết nhau từ trước. Do không có việc làm và thu nhập ổn định, Văn A rủ H, M đi đến các khu nhà trọ xem ai có tài sản sơ hở thì trộm cắp bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Trong ngày 18/10/2021, Văn A và H đã cùng nhau thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn K2, thành phố D3 và huyện NS, tỉnh Hải Dương, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 18/10/2021, H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển số 90F4-7313 chở Văn A đi đến ngã ba đường vào khu KS, phường Đ2, thành phố Đ3, tỉnh Hải Dương thì Văn A bảo H dừng lại chờ, Văn A đi bộ vào khu nhà trọ của chị Trịnh Ngọc Ph, thấy cổng khu trọ không khóa, Văn A đi vào đến phòng trọ số 5 của các anh Nguyễn Thanh C1, anh Nguyễn Trung E1 và anh Vì Văn E2 thuê để ở chung, thấy cửa phòng chỉ khép không cài then. Văn A mở cửa vào phòng thấy các anh đều đang ngủ. Văn A lấy được 01 chiếc điện thoại Iphone 6s plus vỏ màu vàng, bản 32Gb, số IMEI: 355733076467486 của anh C1 để trên bàn nhựa; 01 túi trống thể thao có chữ Nike, màu đỏ của anh E1 trên móc treo quần áo, trong túi có 01 lọ nước hoa nhãn hiệu Bleu de chanel vỏ màu xanh và 01 lọ nước hoa nhãn hiệu Bade'e al oud lattaфа Amethyst vỏ màu tím; lục túi xách của anh E2 để trên nền nhà lấy được số tiền 800.000 đồng. Sau đó, Văn A đi ra chỗ H đang chờ rồi cả hai tiếp tục đi tìm phòng trọ sơ hở để trộm cắp.

Tại Kết luận định giá tài sản số 86/KL-HĐĐGTS ngày 29/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND TP. Hải Dương kết luận: Giá trị của 01 điện thoại Iphone 6s plus vỏ màu vàng, bản 32Gb là 1.198.000 đồng; Giá trị của 01 lọ nước hoa nhãn hiệu Bade'e al oud lattaфа Amethyst vỏ màu tím là 1.080.000 đồng; Giá trị của 01 lọ nước hoa nhãn hiệu Bleu de chanel vỏ màu xanh là 1.450.000 đồng; Giá trị của 01 túi trống thể thao, có chữ Nike màu đỏ là 26.000 đồng. Phí làm lại sim điện thoại là 20.000đ. Tổng là 3.774.000 đồng.

Vụ thứ hai: Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại thành phố Đ3 nêu trên, khoảng 2 giờ 30 phút cùng ngày, H tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 90F4-7313 chở Văn A đến cổng chào thôn H1, xã H2, huyện P, tỉnh Hải Dương thì Văn A bảo H chờ ở ngoài, còn Văn A xuống xe đi bộ đến khu nhà trọ của anh Trương Văn Thê, thấy cổng không khóa, Văn A mở cổng đi vào trong khu nhà trọ, đến phòng trọ số 8 do anh Tạ Hữu G1 thuê, cửa phòng trọ khóa trong, cửa sổ chỉ khép chứ không chốt khóa. Văn A mở cửa sổ thấy anh G1 đang ngủ trên giường, trên mặt bàn làm việc kê gần cửa sổ có chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Dell, màu xám, loại 17 inch, corei 7, ram 4Gb, Văn A thò tay qua song cửa lấy chiếc máy tính. Tiếp đó, Văn A lấy chiếc gậy phơi quần áo dựng tại lối đi của khu trọ, đưa qua song cửa sổ nhắc được chiếc cặp xách, chất liệu giả da màu nâu của anh G1 để tại cuối giường và mở cặp xách lục soát lấy được 01 chiếc ví da màu đen, bên trong có số tiền 4.500.000 đồng và một số giấy tờ tùy thân gồm 01 thẻ ATM, 01 căn cước công dân, 01 Giấy phép lái xe. Văn A cất tiền đi, rồi đi ra chỗ H đang chờ, cả hai đi ra đoạn đường vắng trên quốc lộ 37. Tại đây, Văn A và H lục soát cặp xách của anh G1 lấy được số tiền 4.000.000 đồng trong túi ni lông. Văn A lấy số tiền này rồi vứt cặp xách đựng ví da và giấy tờ đi (không rõ vị trí vứt). Sau đó, Văn A và H tiếp tục lục soát chiếc túi thể thao (trộm cắp được ở khu KS, phường Đ2, thành phố Đ3) lấy được 02 lọ nước hoa và vứt túi đi (không rõ vị trí vứt). Văn A chia cho H 01 lọ nước hoa nhãn hiệu Bleu de chanel vỏ màu xanh, còn giữ lại 01 lọ nước hoa nhãn hiệu Bade'e al oud lattaфа Amethyst vỏ màu tím.

Tại Kết luận định giá tài sản số 87/KL-HĐĐGTS ngày 29/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND TP. Hải Dương kết luận: Giá

trị 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell, màu xám, loại 17 inch, corei 7, ram 4Gb là 1.100.000 đồng; Giá trị 01 cặp xách, chất liệu giả da màu nâu, không nhãn mác là 98.000 đồng; Giá trị 01 ví nam, chất liệu da màu đen, không nhãn mác là 19.800 đồng; Phí làm lại căn cước công dân 35.000đ, phí làm lại ATM là 50.000đ; Phí làm lại giấy phép lái xe là 135.000đ. Tổng là 1.437.800 đồng.

Vụ thứ ba: Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại huyện P, tỉnh Hải Dương nêu trên, khoảng 03 giờ 30 phút cùng ngày, H tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 90F4-7313 chở Văn A đến khu I1, phường I2, K2. Văn A xuống xe đi bộ tìm khu phòng trọ sơ hở để trộm cắp còn H tiếp tục điều khiển xe đi xung quanh và canh giới. Văn A đi bộ đến dãy phòng trọ của nhà ông Phạm Văn K1 và trèo qua tường vào trong dãy trọ rồi đi đến phòng trọ số 04, lúc này trong phòng trọ có chị Đặng Thị Cẩm GH, chị Đặng Thị Thu K1 đang nằm ngủ ở trên giường. Cửa phòng là cửa sắt 01 cánh bung kín, khe hở cạnh cửa rộng khoảng 1cm, để lộ phần then cài bên trong. Văn A lấy chiếc kéo dài 17cm mang theo từ trước, đưa lưỡi kéo qua khe hở kẹp vào then cài rồi gạt dần sang một bên mở cửa vào lấy ở trên mặt bàn cạnh giường được 01 chiếc điện thoại Iphone Xsmax vỏ màu vàng, bản 64Gb, số IMEI 358740090923961 của chị K1; 01 chiếc điện thoại Iphone 7 plus, vỏ màu vàng, bản 128Gb, số IMEI: 359217074721108 của chị GH và số tiền 104.000 đồng trong túi xách của chị GH để trên nền nhà cạnh tủ quần áo rồi ra ngoài. Sau đó, Văn A tiếp tục đi sang phòng trọ số 2 do anh Nguyễn Văn N1 thuê, dùng kéo để gạt then cài rồi mở cửa vào phòng, thấy anh N1 đang nằm ngủ trên giường. Văn A lấy được 01 chiếc điện thoại Iphone Xsmax vỏ màu vàng, bản 64Gb, số IMEI: 357261090928968 trên đầu giường và 01 chiếc điện thoại Nokia 1280 ở trên bàn kê gần cuối giường. Sau khi lấy được tài sản, Văn A trèo tường ra ngoài, đi bộ đến chỗ H đang chờ. Cả hai mang số tài sản trộm cắp được đi bán. Trên đường đi Văn A vứt chiếc điện thoại Nokia 1280 và các sim lắp ở điện thoại trộm cắp được ra đường (không nhớ vị trí vứt).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 75/KL-HĐĐGTS ngày 27/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự - UBND TP. Hải Dương kết luận: Giá trị của 01 chiếc điện thoại Iphone Xsmax vỏ màu vàng, bản 64Gb, số IMEI: 358740090923961 là 9.294.000 đồng; Giá trị của 01 chiếc điện thoại Iphone Xsmax vỏ màu vàng, bản 64Gb, số IMEI: 357261090928968 là 10.843.000 đồng; Giá trị của 01 chiếc điện thoại Iphone 7 plus, vỏ màu vàng, bản 128Gb, số IMEI: 359217074721108 là 3.316.000 đồng; Giá trị của 01 chiếc điện thoại Nokia 1280 là 191.200 đồng; phí làm lại 4 sim điện thoại là 120.000đ. Tổng là 23.764.200 đồng.

Sau đó, Văn A cùng H đến cửa hàng điện thoại “Đăng Th” của anh Nguyễn Danh Th, sinh năm: 1988, ở thôn O1, xã O2, huyện P, tỉnh Hải Dương, bán cho anh Th 01 chiếc điện thoại Iphone 6s plus (của anh C1) được số tiền 800.000 đồng, 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Dell (của anh G1) với số tiền 2.000.000 đồng; 01 chiếc điện thoại Iphone Xsmax màu vàng (của chị K1) được 4.000.000 đồng, 01 chiếc điện thoại Iphone 7 plus màu vàng (của chị GH) được 1.200.000 đồng, Văn A chia cho H 4.000.000 đồng, còn lại chiếc điện thoại Iphone Xsmax màu vàng (của anh N1) Văn A giữ lại. Số tiền này H, Văn A đã chi tiêu cá nhân hết. Đến khoảng 14 giờ ngày 18/10/2021, Văn A đi một mình đến cửa hàng điện thoại của

anh Th, bán cho anh Th chiếc điện thoại Iphone Xsmax còn lại với giá 8.800.000 đồng. Số tiền này Văn A không chia cho H và đã chi tiêu cá nhân hết. Sau khi mua được điện thoại trên, anh Th mang đến cửa hàng điện thoại di động của anh Đặng Văn Tr, sinh năm: 1991, ở thôn TĐ, xã NH, huyện P, tỉnh Hải Dương 03 chiếc điện thoại gồm 01 chiếc điện thoại Iphone 6s plus (của anh C1), 01 chiếc điện thoại Iphone Xsmax màu vàng (của chị K1), 01 chiếc điện thoại Iphone 7 plus màu vàng (của chị GH) để nhờ chạy lại hệ điều hành. Sau khi được thông báo các điện thoại, máy tính xách tay trên là tài sản do người khác phạm tội mà có, anh Tr đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 03 chiếc điện thoại gồm 01 chiếc điện thoại Iphone 6s plus, 01 chiếc điện thoại Iphone Xsmax màu vàng, 01 chiếc điện thoại Iphone 7 plus màu vàng; anh Th tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc điện thoại Iphone Xsmax màu vàng và 01 chiếc máy tính xách tay Dell. Văn A và H tự nguyện giao nộp 02 lọ nước hoa trên cho Cơ quan điều tra.

Ngày 19/10/2021, Văn A cho anh Chu Xuân F1, sinh năm: 1997, nơi ĐKNKTT: Thôn BA, xã Dg, tỉnh Hải Dương mượn xe mô tô Yamaha Jupiter biển số 90F4-7313, trong cốp xe có để chiếc kéo trên. Sau khi được thông báo chiếc xe mô tô trên là vật chứng của vụ án, anh F1 đã giao nộp chiếc xe mô tô và chiếc kéo cho Cơ quan điều tra.

Ngoài việc cùng H thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản nêu trên, Lê Văn A còn cùng với Mạc Văn M thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản tại địa bàn K2, cụ thể như sau:

Khoảng 0 giờ 30 phút 25/9/2021, Văn A điều khiển xe mô tô Yamaha Jupiter, biển số 90F4-7313 đến gặp M tại khu vực cổng D, huyện Đ, tỉnh Hải Dương. Tại đây Văn A rủ M đi trộm cắp tài sản, M đồng ý. M điều khiển xe mô tô Jupiter chở Văn A đi đến các khu phòng trọ để trộm cắp tài sản. Đến khoảng 03 giờ 30 phút cùng ngày, M chở Văn A đi đến khu nhà trọ của ông Bùi Văn TH, sinh năm: 1961, ở khu I1, phường I2, K2 thì dừng lại. M ở ngoài cảnh giới còn Văn A xuống xe, đi bộ vào khu nhà trọ, thấy cổng không khóa nên đã mở cổng đi vào trong. Khi đến trước cửa phòng trọ số 02 do anh Hồ Ngọc Q1 và anh Nguyễn Văn L1 thuê. Văn A thò tay qua lỗ trên cánh cửa kiểm tra thấy bên trong chỉ cài then không khóa nên đã kéo then mở cửa phòng đi vào thấy anh Q1 và anh L1 đang ngủ. Văn A lấy được 01 chiếc điện thoại Iphone 7 plus vỏ màu đen, bản 32Gb của anh L1 tại đầu giường, 01 chiếc điện thoại Iphone 7 plus vỏ màu đen, bản 32Gb và 01 chiếc điện thoại Iphone 6 vỏ màu vàng, bản 16Gb của anh Q1 ở dưới nền nhà. Sau đó, Văn A đi ra đưa cho M 03 chiếc điện thoại trên rồi cả hai đi về. Đến khoảng 8 giờ cùng ngày, Văn A gặp M và H tại ngã tư VH, huyện Đ, tỉnh Hải Dương. Tại đây, Văn A bảo M đi bán, M đồng ý. H không biết 03 chiếc điện thoại trên do Văn A và M trộm cắp được nhưng có ý định đi bán điện thoại Samsung của mình nên bảo M cho đi cùng. M và H đi đến cửa hàng điện thoại “Đặng Th” của anh Nguyễn Danh Th. Tại đây, M bán cho anh Th 01 chiếc điện thoại Iphone 7 plus và 01 điện thoại Iphone 6 được 2.000.000 đồng, số tiền này M chia cho Văn A 1.000.000 đồng. Còn 01 điện thoại Iphone 7 plus M đưa lại cho Văn A, Văn A tiếp tục mang bán cho anh Th được 1.000.000 đồng, số tiền này Văn A không chia cho M. Sau khi mua được 03 điện thoại trên, anh Th đã bán cho khách không rõ tên tuổi, địa chỉ nên không thu giữ được. Số tiền trên Văn A, M đã chi tiêu cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 85/KL-HĐĐGTS ngày 29/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự - UBND thành phố Hải Dương kết luận: Giá trị của 01 điện thoại Iphone 7 plus vỏ màu đen, bản 32Gb là 1.530.000 đồng; Giá trị của 01 điện thoại Iphone 7 plus vỏ màu đen, bản 32Gb là 1.530.000 đồng; Giá trị của 01 điện thoại Iphone 6 vỏ màu vàng, bản 16Gb là 289.000 đồng; phí làm lại sim Vinaphone là 18.000đ, phí làm lại sim Viettel là 20.000đ, phí làm lại sim Mobiphone là 15.000đ. Tổng là 3.402.000đ.

Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Dương đã trả 01 chiếc điện thoại Iphone 6s plus vỏ màu vàng, bản 32Gb cho anh Nguyễn Thanh C1; trả 01 lọ nước hoa nhãn hiệu Bade'e al oud lattafa Amethyst vỏ màu tím và 01 lọ nước hoa nhãn hiệu Bleu de chanel vỏ màu xanh cho anh Nguyễn Trung E1; trả 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell, màu xám cho anh Tạ Hữu G1; đã trả 01 chiếc điện thoại Iphone 7 plus vỏ màu vàng, bản 128Gb cho chị Đặng Thị Cẩm GH; trả 01 chiếc điện thoại Iphone Xsmax vỏ màu vàng, bản 64Gb cho chị Đặng Thị Thu K1; trả 01 chiếc điện thoại Iphone Xsmax vỏ màu vàng, bản 64Gb cho anh Nguyễn Văn N1. Anh Nguyễn Thanh C1, anh Nguyễn Trung E1, chị Đặng Thị Cẩm GH, chị Đặng Thị Thu K1, anh Nguyễn Văn N1 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường. Anh Tạ Hữu G1 yêu cầu các bị cáo hoàn trả số tiền 8.500.000 đồng. Tại giai đoạn điều tra, anh Vi Văn E2 yêu cầu các bị cáo hoàn trả số tiền 800.000 đồng. Anh Nguyễn Văn L1 yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị tài sản tương ứng là 1.530.000 đồng, anh Hồ Ngọc Q1 yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị tài sản tương ứng là 1.819.000 đồng, anh Nguyễn Danh Th yêu cầu các bị cáo hoàn trả số tiền 19.800.000 đồng đã mua điện thoại, máy tính của các bị cáo.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển số 90F4-7313, Văn A sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bà Nguyễn Thị F2. Bà F2 không biết mục đích Văn A mượn xe mô tô để đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hải Dương đã trả lại xe mô tô cho bà F2.

Đối với 01 chiếc kéo bằng kim loại dài 17 cm, chuôi bằng nhựa màu nâu đang được quản lý tại Kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Chiếc gậy phoi quần áo bị cáo sử dụng làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội không thu giữ được.

Tại Cáo trạng số 24/CT-VKSTPHD, ngày 16/02/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố bị cáo Lê Văn A (B) về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; các bị cáo Bùi Đức H và Mạc Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, rất ân hận về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Các bị hại đều vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình điều tra anh Nguyễn Thanh C1 xác định đã nhận lại tài sản là chiếc điện thoại Iphone 6 Plus; Anh Nguyễn Trung E1 đã nhận lại hai lọ nước hoa, tự nguyện không yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị

chiếc túi trông thể thao không thu hồi được; Chị Đặng Thu K1, chị Đặng Thị Cẩm GH đã nhận lại chiếc điện thoại bị cáo chiếm đoạt, chị GH không yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 104.000đ; Anh Nguyễn Văn N1 đã nhận lại tài sản là chiếc điện thoại Iphone XS max, đối với chiếc điện thoại Nokia 1280 và sim điện thoại không thu hồi được anh N1 tự nguyện không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường;

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Tạ Hữu G1 xác định đã nhận lại 01 máy tính xách tay và các giấy tờ tùy thân. Đối với chiếc cặp xách, 01 ví da và số tiền 8.500.000đ, anh G1 tự nguyện không yêu cầu bị cáo bồi thường mà xác định cho các bị cáo; anh Nguyễn Văn L1 tự nguyện không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường giá trị chiếc điện thoại Iphone 7 Plus là 1.530.000đ; Anh Hồ Ngọc Q1 tự nguyện không yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị chiếc điện thoại Iphone 7 Plus là 1.530.000đ; giá trị 01 điện thoại Iphone 6 là 289.000đ, tổng là 1.819.000đ. Các bị hại đều tự nguyện không yêu cầu các bị cáo bồi thường chi phí làm lại sim điện thoại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Danh Th, vắng mặt tại phiên tòa. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Th yêu cầu các bị cáo hoàn trả hoàn trả số tiền đã bỏ ra mua tài sản của các bị cáo hiện cơ quan điều tra đã thu hồi trả cho bị hại tổng là 16.800.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn A (B) về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Bùi Đức H và Mạc Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Về hình phạt chính: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Văn A.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Bùi Đức H, Mạc Văn M, thêm điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo H.

Xử phạt bị cáo Lê Văn A (B) từ 39 tháng tù đến 42 tháng tù, thời hạn tính từ ngày 22/10/2021;

Xử phạt bị cáo Bùi Đức H từ 30 tháng tù đến 33 tháng tù, thời hạn tính từ ngày 07/11/2021.

Xử phạt bị cáo Mạc Văn M từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù, thời hạn tính từ ngày đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 131, Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Lê Văn A (B) phải bồi thường cho anh Vì Văn E2 số tiền 800.000đ; Buộc bị cáo Lê Văn A (B) và bị cáo Bùi Đức H phải hoàn trả cho anh Nguyễn Danh Th số tiền 16.800.000đ. Trong đó bị cáo Lê Văn A (B) phải hoàn trả anh Th số tiền 12.800.000đ, bị cáo Bùi Đức H phải hoàn trả anh Th 4.000.000đ.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tịch thu cho tiêu hủy 01 chiếc kéo bằng kim loại dài 17 cm, chuôi bằng nhựa màu nâu.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo Lê Văn A (B), Bùi Đức H, Mạc Văn M tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, sơ đồ hiện trường, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 25/9/2021, tại phòng trọ số 2 khu nhà trọ của ông Bùi Văn TH ở khu I1, phường I2, K2, Văn A và M đã lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại Iphone 7 plus vỏ màu đen, bản 32Gb của anh Nguyễn Văn L1 trị giá 1.530.000đ; 01 chiếc điện thoại Iphone 7 plus vỏ màu đen, bản 32Gb trị giá 1.530.000đ và 01 chiếc điện thoại Iphone 6 vỏ màu vàng, bản 16Gb của anh Hồ Ngọc Q1 trị giá 289.000đ và 03 sim điện thoại kèm theo (phí làm lại sim Vinaphone là 18.000đ, phí làm lại sim Viettel là 20.000đ, phí làm lại sim Mobiphone là 15.000đ). Tổng trị giá tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 3.402.000 đồng.

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 18/10/2021, tại phòng trọ số 5 khu nhà trọ của chị Trịnh Ngọc Ph ở khu dân cư KS, phường Đ2, K2, Văn A và H đã lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại Iphone 6s plus vỏ màu vàng, bản 32Gb trị giá 1.198.000đ, 01 sim điện thoại (phí làm lại sim là: 20.000đ) của anh Nguyễn Thanh C1; 01 túi trống thể thao màu đỏ trị giá 26.000đ bên trong có 01 lọ nước hoa nhãn hiệu Bleu de chanel vỏ màu xanh trị giá 1.450.000đ và 01 lọ nước hoa nhãn hiệu Bade'e al oud lattafa Amethyst vỏ màu tím trị giá 1.080.000đ của anh Nguyễn Trung E1 và số tiền 800.000 đồng của anh Vì Văn E2. Tổng trị giá tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 4.574.000 đồng.

Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 18/10/2021, tại phòng trọ số 8 khu nhà trọ của anh Trương Văn T5 ở khu H1, phường H2, thành phố P, tỉnh Hải Dương, Văn A và H đã lén lút chiếm đoạt 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Dell, màu xám, loại 17inch, corei 7, ram 4Gb trị giá 1.100.000đ; 01 chiếc cặp xách màu nâu trị giá 98.000đ, 01 ví da màu đen trị giá 19.800đ, bên trong có 01 căn cước công dân (phí làm lại căn cước công dân 35.000đ), 01 ATM (phí làm lại thẻ ATM là 50.000đ), 01

giấy phép lái xe (phí làm lại giấy phép lái xe là 135.000đ) và số tiền 8.500.000 đồng. Tổng trị giá tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 9.937.800 đồng.

Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 18/10/2021, tại các phòng trọ số 2, 4 khu nhà trọ của ông Phạm Văn K1 ở khu I1, phường I2, K2, Văn A và H đã lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại Iphone Xsmax vỏ màu vàng, bản 64Gb của chị Đặng Thị Thu K1 trị giá 9.294.000đ; 01 chiếc điện thoại Iphone 7 plus, vỏ màu vàng, bản 128Gb trị giá 3.316.000đ và số tiền 104.000 đồng trong túi xách của chị Đặng Thị Cẩm GH; 01 chiếc điện thoại Iphone Xsmax vỏ màu vàng, bản 64Gb trị giá 10.843.000đ, và 01 chiếc điện thoại Nokia 1280 trị giá 191.200đ của anh Nguyễn Văn N1, 04 sim điện thoại kèm theo (phí làm lại mỗi sim điện thoại là 30.000đ tổng là 120.000đ). Tổng trị giá tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 23.868.200 đồng.

Trong vụ án này, Lê Văn A là người đề xuất và trực tiếp thực hiện 4 hành vi trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 41.782.000 đồng; Bùi Đức H đồng phạm với vai trò giúp sức cho Văn A thực hiện 3 hành vi trộm cắp tài sản với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 38.380.000 đồng; Mạc Văn M đồng phạm với vai trò giúp sức cho Văn A thực hiện 1 hành vi trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 3.402.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó không những đã xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an, gây dư luận xấu trong xã hội. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi, ý thức coi thường pháp luật, muốn có tiền tiêu sài nhưng lười lao động nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo Bùi Đức H, Mạc Văn M đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo Lê Văn A đã “tái phạm” chưa được xóa án tích nay lại thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo Lê Văn A đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, cần áp dụng một hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt biết tôn trọng, chấp hành pháp luật và phòng ngừa chung trong xã hội.

Về tính chất đồng phạm: Sau khi Văn A đề xuất việc trộm cắp tài sản, H, M đã tiếp nhận ý chí ngay, quá trình thực hiện không có sự phân công chặt chẽ nên đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Quá trình thực hiện hành vi H, M điều khiển xe chở Văn A, đứng ngoài cảnh giới cho Văn A thực hiện hành vi, nếu bị phát hiện sẽ chở Văn A chạy thoát. Như vậy, bị cáo Văn A là người đề xuất, đồng thời là người trực tiếp thực hiện 04 hành vi trộm cắp tài sản. Trong đó, bị cáo H đồng phạm với vai trò giúp sức cho bị cáo Văn A thực hiện 03 hành vi trộm cắp tài sản; bị cáo M đồng phạm với vai trò giúp sức cho bị cáo Văn A thực hiện 01 hành vi trộm cắp tài sản. Vì vậy, bị cáo Văn A giữ vai trò chính, tiếp đó đến bị cáo H và sau cùng là bị cáo M.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo đều có nhân thân xấu. Trong vụ án này, bị cáo Văn A thực hiện 4 hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo H đồng phạm cùng Văn A thực hiện 03 hành vi trộm cắp tài sản, giá trị tài sản mỗi hành vi đều trên 2.000.000đ do vậy bị cáo Văn A, H phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo M không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Bị cáo Văn A, H không lấy tài sản trộm cắp được làm nguồn sống chính nên không có căn cứ xác định bị cáo phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, bị cáo Văn A có mẹ được Nhà nước tặng thưởng huân chương, khi bị phát hiện bị cáo Văn A đã tự nguyện khai báo ra hành vi phạm tội còn lại nên Văn A được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngày 22/10/2021, bị cáo Văn A bị bắt về hành vi trộm cắp tài sản thực hiện ngày 18/10/2021 tại K2. Quá trình điều tra, bị cáo Văn A đã tự nguyện khai báo các hành vi phạm tội cùng bị cáo H. Ngày 07/11/2021, bị cáo H bị bắt và khởi tố về hành vi thực hiện tại K2, quá trình điều tra bị cáo H đã tự nguyện khai báo các hành vi phạm tội còn lại thực hiện cùng Văn A. Như vậy, bị cáo H tự nguyện khai báo các hành vi phạm tội còn lại khi bị cáo Văn A biết và đã khai ra các hành vi phạm tội thực hiện cùng H. Do vậy không có căn cứ để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “người phạm tội tự thú” quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự theo đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương mà cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự người phạm tội “đầu thú” quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo H.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có tài sản gì có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về vật chứng, biện pháp tư pháp: Đối với chiếc xe mô tô là phương tiện các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, quá trình điều tra xác định thuộc sở hữu của bà F2, bà F2 không biết bị cáo mượn xe để làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại bà F2 là phù hợp. Đối với 01 chiếc kéo các bị cáo sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu cho tiêu hủy. Đối với chiếc gậy phoi quần áo không thu hồi được nên không có căn cứ xử lý.

[6] Về trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp:

Các bị hại anh Nguyễn Thành C1; chị Đặng Thu K1, chị Đặng Thị Cẩm GH, anh Nguyễn Văn N1 đã nhận lại tài sản là chiếc điện thoại các bị cáo chiếm đoạt, đối với chiếc sim điện thoại không thu hồi được các anh, chị tự nguyện không yêu cầu bị cáo phải bồi thường chi phí làm lại sim; đối với số tiền 104.000đ không thu hồi được chị GH tự nguyện không yêu cầu các bị cáo bồi thường và xác định cho các bị cáo. Đối với chiếc điện thoại Nokia 1280 và sim điện thoại không thu hồi được anh N1 tự nguyện không yêu cầu bị cáo phải bồi thường mà cho các bị cáo. Anh Nguyễn Trung E1 đã nhận lại hai lọ nước hoa, tự nguyện không yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị chiếc túi trống thể thao không thu hồi được và xác định cho các bị cáo. Anh Tạ Hữu G1 đã nhận lại 01 máy tính xách tay và các giấy tờ tùy thân.

Đối với chiếc cặp xách, 01 ví da và số tiền 8.500.000đ không thu hồi được, anh G1 tự nguyện không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường và xác định cho các bị cáo.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn L1 tự nguyện không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường giá trị chiếc điện thoại Iphone 7 Plus là 1.530.000đ và tự nguyện không yêu cầu chi phí làm lại sim điện thoại; Anh Hồ Ngọc Q1 tự nguyện không yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị chiếc điện thoại Iphone 7 Plus là 1.530.000đ; giá trị 01 điện thoại Iphone 6 là 289.000đ, tổng là 1.819.000đ và chi phí làm lại sim điện thoại và xác định cho các bị cáo.

Anh Vì Văn E2 vắng mặt tại phiên tòa, quá trình điều tra anh E2 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 800.000đ. Xét yêu cầu của anh E2 là có căn cứ theo quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự. Các bị cáo chiếm đoạt của anh E2 số tiền 800.000đ, bị cáo A xác định đã chi tiêu hết, không chia cho M và sẽ có trách nhiệm bồi thường cho anh E2 số tiền này. Do vậy cần buộc bị cáo Lê Văn A phải bồi thường cho anh Vì Văn E2 số tiền 800.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Danh Th, vắng mặt tại phiên tòa. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Th yêu cầu các bị cáo hoàn trả số tiền đã bỏ ra mua tài sản các bị cáo trộm cắp được và cơ quan điều tra đã thu hồi trả cho bị hại là 16.800.000đ. Anh Th đã mua các tài sản do các bị cáo trộm cắp nhưng không biết là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có. Sau khi hành vi các bị cáo bị phát hiện, anh Th đã tự nguyện giao nộp các tài sản trên. Do vậy yêu cầu của anh Th là có căn cứ. Các bị cáo bán tài sản được 16.800.000đ, Văn A chia cho H 4.000.000đ, Văn A hưởng 12.800.000đ. Do vậy cần buộc bị cáo Lê Văn A và Bùi Đức H phải có trách nhiệm hoàn trả anh Th số tiền 16.800.000đ. Trong đó Văn A phải hoàn trả cho anh Th 12.800.000đ, bị cáo H phải hoàn trả anh Th 4.000.000đ. Một số tài sản anh Th đã bán cho người không quen biết, cũng không nhớ bán được bao nhiêu tiền và không thu hồi được nên không có căn cứ xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, các bị cáo phải bồi thường, hoàn trả nên phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

[8] Về vấn đề khác: Đối với anh Nguyễn Danh Th, tài liệu điều tra không đủ căn cứ chứng minh anh Th biết những chiếc điện thoại và chiếc máy tính xách tay mua của các bị cáo là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý; Đối với anh Đặng Văn Tr nhận chạy lại hệ điều hành của 03 chiếc điện thoại mà anh Nguyễn Danh Th đưa, không biết là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý; Đối với Bùi Đức H khi đi cùng Mạc Văn M đến bán 01 chiếc điện thoại Iphone 7 plus và 01 điện thoại Iphone 6 nhưng không biết là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm g khoản 2 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Văn A (B).

Khoản 1 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bùi Đức H.

Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Mạc Văn M.

Điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 131, Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Văn A (B), Bùi Đức H, Mạc Văn M phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Lê Văn A (B) 42 (Bốn mươi hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 22/10/2021).

Xử phạt bị cáo Bùi Đức H 30 (Ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 07/11/2021).

Xử phạt bị cáo Mạc Văn M 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp:

Buộc bị cáo Lê Văn A (B) phải bồi thường cho anh Vi Văn E2 số tiền 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Lê Văn A (B) và bị cáo Bùi Đức H phải hoàn trả cho anh Nguyễn Danh Th số tiền 16.800.000đ (Mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng). Trong đó bị cáo Lê Văn A (B) phải hoàn trả anh Th số tiền 12.800.000đ (Mười hai triệu tám trăm nghìn đồng), bị cáo Bùi Đức H phải hoàn trả anh Th số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền nêu trên. Nếu các bị cáo chậm thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc kéo bằng kim loại dài 17 cm, chuôi bằng nhựa màu nâu (Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thành phố Hải Dương và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương ngày 18/02/2022).

5. Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Lê Văn A (B) phải chịu 680.000đ án phí dân sự sơ thẩm; Bị cáo Bùi Đức H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 31/3/2022). Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- VKSND thành phố Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT- Công an TP Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhan